

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HSST
Ngày: 14/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và ông Ngô Xuân Dệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Đào Anh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Hoàng Thị A; Sinh năm 1994 tại Gia Lai.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 7, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở: Hẻm 95 C, Tổ 2, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ trang điểm.

Cha: Hoàng Văn V (Sinh năm: 1965); Mẹ: Nguyễn Thị D (Sinh năm: 1966. Hiện mẹ của bị cáo trú tại Thôn 7, xã P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 04 anh chị em ruột; lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1998. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Chồng (đã ly hôn): Xà T; sinh năm 1990.

Chung sống như vợ chồng với Trương Đ; sinh năm 1993.

Con: Xà N; sinh năm 2012 và Hoàng P; sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 20/11/2019 thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 02/12/2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P khởi tố về hành vi này và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người chứng kiến:**

- Ông Nguyễn T; sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Trương Đ; sinh năm 1993;

Địa chỉ: Hẻm 95 C, Tổ 2, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Huỳnh D; sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ 14, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hoàng Thị A là người có sử dụng ma túy. Ngày 20/11/2019, trong lúc đi chơi cùng với các bạn thì A gặp và biết một người tên N (Không biết họ tên và địa chỉ cụ thể) có bán ma túy. N cho A số điện thoại của mình và nói khi nào A có nhu cầu mua ma túy thì liên hệ với N. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, A gọi điện cho N hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, N đồng ý bán và hẹn A đi đến trước nhà hàng Sê San Xanh trên đường Đ thuộc phường Ia Kring để giao dịch. Tại đây, N đưa cho A 01 gói ma túy và nhận từ A số tiền 200.000 đồng. A cất ma túy mới mua được trong túi áo khoác rồi quay về phòng trọ của mình tại hẻm 95 đường C, Tổ 02, phường B, thành phố P cất giấu. Tại phòng trọ, A lấy một ít ma túy vừa mua được để sử dụng cá nhân, số ma túy còn lại A cất trong một đoạn ống hút nhựa màu tím, hàn kín hai đầu ống lại và để trong túi áo khoác. Đến khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, A mặc áo khoác này đi mua đồ ăn khuya. Khi đi đến trước số nhà 15 đường Đ thuộc Tổ 05, phường H thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P kiểm tra. Cơ quan điều tra phát hiện trong người A có chất nghi là ma túy, nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với A. Cơ quan điều tra thu giữ trong người A 01(một) ống hút nhựa màu tím, bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (vật chứng trên được niêm phong theo quy định) và 01 điện thoại di động hiệu Coolpad F110 kèm sim số.

Qua trưng cầu giám định, tại Kết luận giám định số 08 ngày 27/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công A tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng dạng tinh thể trong một đoạn ống hút nhựa, trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1706 gam”*.

Đối với chất ma túy còn lại sau khi giám định, cơ quan giám định hoàn trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trong phong bì công văn Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: Tại mép dán mặt sau có các dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh Gia Lai * Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký của các ông Nguyễn Trọng Bắc, Nguyễn Văn Quỳnh và Bùi Sỹ Thà, được chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Đối với chiếc điện thoại hiệu Coolpad F110 kèm sim số, mã sim: 8401181033211905WD mà Cơ quA điều tra đã thu giữ của Hoàng Thị A, là phương tiện A sử dụng vào việc liên lạc để mua ma túy, được Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 44/CT- VKS ngày 13/3/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Hoàng Thị A về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Hoàng Thị A phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn niêm phong số 08/PC09 ngày 27/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Gia Lai, bên ngoài có các dấu tròn niêm phong của “ Công A tỉnh Gia Lai* Phòng kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Trọng Bắc, Nguyễn Văn Quỳnh, Bùi Sỹ Thà.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Coolpad F110 màu xAh kèm sim số, mã sim: 8401181033211905 WD.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng đã nêu, nhận thấy hành vi đó của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo và người chứng kiến, người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội như sau:

Lúc 21 giờ 30 phút ngày 20/11/2019, tại trước số nhà 95 đường Bé Văn Đàn, Tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi Hoàng Thị A đang cất giấu trong người 0,1706 gam chất ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng, thì

bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

[3] Hành vi cất giấu 0,1706 gam chất ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng, do bị cáo Hoàng Thị A thực hiện như trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị A xã hội, đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố.

Bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và sự phát triển lành mạnh của nòi giống, việc sử dụng ma túy là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, nhưng vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; khi phạm tội bị cáo đã có thai.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Coolpad F110 màu xanh kèm sim số, mã sim: 8401181033211905 WD là phương tiện bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 bì dán kín ghi số 08/PC09 ngày 27/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, bên ngoài có các dấu tròn niêm phong của “Công an tỉnh Gia Lai* Phòng kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Trọng Bắc, Nguyễn Văn Quỳnh, Bùi Sỹ Thà là ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội phạm và hình phạt

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Hoàng Thị A phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị A 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì dán kín ghi số 08/PC09 ngày 27/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, bên ngoài có các dấu tròn niêm phong của “Công an tỉnh Gia Lai* Phòng kỹ thuật hình sự” và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn

Trọng Bắc, Nguyễn Văn Quỳnh, Bùi Sỹ Thà.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Coolpad F110 màu xanh kèm sim số, mã sim: 8401181033211905 WD (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2020 giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P*).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Gia Lai;

-VKSND Tp. P;

-Chi cục THADS Tp. P;

-Bị cáo;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà